

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-PT

Ngày 11/6/2020

V/v Tranh chấp tiền bồi thường
khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp tiền bồi thường khi thu hồi đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1928

Ủy quyền cho: Ông Nguyễn Vũ L (Bé H), sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Râm, sinh năm 1944 (vợ ông K);

Ủy quyền cho: Ông Nguyễn Vũ L (Bé H), sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020)

- 2/ Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1964 (con ông K);
- 3/ Bà Nguyễn Bích P, sinh năm 1971 (con ông K);
- 4/ Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1976 (con ông K);
- 5/ Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1979 (con ông K);
- 6/ bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1983 (con ông K).

Bà P, bà Mai, ông L1 và bà G cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Vũ L (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020).

(Ông C và Ông L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:* Trước đây, cha mẹ ông (ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ng) có tạo lập được một sổ đất tọa lạc xã An Long (nay là Ấp 3, xã P), cha, mẹ ông quản lý và sử dụng đến khoảng năm 1982- 1983 thì phân chia đất cho các con gồm: Bà N, ông K, ông C, bà T, ông M và bà N1 mỗi người một phần đất có chiều ngang là 9 tấc (27 mét) chiều dài từ lộ 844 cho đến sau hậu, chiều dài của mỗi người khác nhau (chiều dài không bằng nhau), phần ông được cho diện tích đất 3.240m² (chiều ngang 27 mét, chiều dài 120 mét). Phần đất ông được cha, mẹ cho có tứ cận như sau: mặt tiền chiều ngang 27 mét giáp với tỉnh lộ 844, phía sau hậu chiều ngang 27 mét giáp kênh 2/9, phía trong (mặt trời mọc) có chiều dài 120 mét giáp với bà 6 T, phía ngoài (mặt trời lặn) có chiều dài 120 mét giáp với ông 8 M, sau khi cha, mẹ chia đất thì phần đất ông giáp với ông 8 M Nhà nước mức kênh nên giáp với kênh.

Sau khi được cha, mẹ cho phần đất trên, ông tiến hành trồng rẫy (Đậu) được khoảng 3 năm, đến năm 1986- 1987 thì Nhà nước mức kênh lớn hơn so với ban đầu nên chia phần đất của ông thành 2 phần (con kênh mức chia đất ông thành 2 phần). Sau khi Nhà nước mức kênh chia đất ông thành 2 phần, phần phía sau hậu ông bán lại cho ông 8 M, còn phần phía mặt tiền từ tỉnh lộ 844 chiều ngang 27 mét, chiều dài khoảng 44 mét thì ông để trống, không sử dụng gì từ năm 1986- 1987 (từ thời điểm nhà nước mức kênh) cho đến nay. Năm 1993, ông có đi đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đăng ký luôn các phần đất khác của ông). Sau khi đi đăng ký, ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất nhiều thửa, ông nghĩ là trong đó có thửa đất cha, mẹ cho ông, nhưng sau này ông phát hiện thì phần đất của cha, mẹ cho chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất còn lại của ông (phía mặt tiền), sau khi ông để trống không sử dụng thì ông K có sử dụng đào hầm chiều ngang khoảng 5-6 mét, chiều dài khoảng 6-7 mét để nuôi cá Bông.

Đến năm 2017, Nhà nước có thu hồi phần đất trên để làm dự án hệ thống giao thông có bồi thường với giá là 1.200.000đ/m².

Sau khi Nhà nước bồi thường, ông mới biết phần đất của ông do ông K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 1 phần thửa 844, tờ bản

đồ số 1, diện tích là 648m^2 (diện tích toàn thửa là 1.639m^2). Khi Nhà nước thu hồi đất đã bồi thường số tiền trên cho ông K và ông K đã nhận xong.

Như vậy, phần đất của ông là 648m^2 , giá nhà nước bồi thường là $1.200.000\text{đ}/\text{m}^2$ số tiền là $777.600.000\text{đ}$.

Nay Ông C khởi kiện yêu cầu ông K phải giao trả lại tiền khi Nhà nước thu hồi đất của ông với số tiền là $777.600.000\text{đ}$.

- *Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ L (Bé H) trình bày:* Khoảng năm 1982- 1983, cha ông (K) có mua của cô ruột ông (bà 6 T) 1 phần đất (không rõ chiều ngang, chiều dài), cặp với đất của ông C, phần đất này có nguồn gốc của ông, bà nội ông (cha, mẹ của cha ông và bà T). Sau khi cha ông mua phần đất trên thì có sử dụng trồng Me nước được 1 thời gian thì cha ông múc hầm để nuôi cá (múc 2 cái hầm 1 cái lớn và 1 cái nhỏ). Đến năm 1992- 1993 thì cha ông đi đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa 844, tờ bản đồ số 1, diện tích là 1.639m^2 . Đến năm 2011, thì đổi lại Giấy chứng nhận mới đất như hiện nay. Còn phần đất của Ông C (cặp với đất của bà 6 T bán cho cha ông) đến khoảng năm 1984- 1985 thì Nhà nước tiến hành múc kênh 2/9. Khi Nhà nước múc kênh thì phần đất mặt tiền (giáp tỉnh lộ 844) của Ông C bị múc làm kênh, do con kênh đi xéo (hình dấu sắc) nên phần đất của Ông C chỉ còn phía sau hậu nhưng phía bên kia kênh. Còn phần đất cha ông sử dụng, sau này Nhà nước thu hồi để làm dự án hệ thống giao thông là của cha ông mua lại của bà 6 T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 844, tờ bản đồ số 1, diện tích là 1.639m^2 .

Năm 2018, Nhà nước thu hồi $1.043,1\text{m}^2$ thuộc 1 phần của thửa 844 của cha ông để làm dự án hệ thống giao thông và có bồi thường khi thu hồi đất với giá là $1.200.000\text{đ}/\text{m}^2$ và cha ông đã nhận tiền bồi thường xong và đã giao đất cho Nhà nước theo quy định.

Nay Ông C cho rằng trong phần diện tích đất mà cha ông nhận tiền bồi thường ($1.043,1\text{m}^2$), có phần đất của Ông C là 648m^2 và yêu cầu cha ông trả lại số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là $777.600.000\text{đ}$, ông không đồng ý vì phần đất trên là của cha ông, không phải đất của ông C.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu trả lại diện tích đất bị thu hồi là 648m^2 , với số tiền thu hồi đất là $777.600.000\text{đ}$ (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

2/ Ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là $3.143.000\text{đ}$ (Ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) (đã nộp xong).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 30/12/2019 Ông C kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông C, buộc ông K trả lại cho ông C số tiền 777.600.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm Ông L phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp tiền bồi thường khi thu hồi đất là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông C yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông K trả lại tiền bồi thường đất 777.600.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông C cho rằng phần diện tích đất tranh chấp (về tiền thu hồi đất) có nguồn gốc là của cha mẹ ông C cho ông C vào năm 1982. Phần chia cho ông C có chiều ngang 27 mét, chiều dài khoảng 120 mét. Sau khi được cha, mẹ phân chia, ông C sử dụng đến khoảng năm 1984 thì Nhà nước mức kênh 2/9, chia phần đất của ông C thành 2 phần, phần phía sau hậu ông C sang nhượng lại cho ông M, còn phần phía mặt tiền (đất tranh chấp) diện tích còn lại ít nên ông C không sử dụng, mà do ông K quản lý và sử dụng.

Khi ông K đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C không biết. Đến khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích để thực hiện dự án đầu tư hệ thống giao thông (năm 2018), thì ông C mới biết và khởi kiện, phát sinh tranh chấp.

Ông C thừa nhận rằng khi Nhà nước đào kênh 02/9 (mức 02 lần) thì ông C cũng không biết diện tích đất còn lại của ông là bao nhiêu, chiều ngang, chiều dài, cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, thì ông tự xác định phần diện tích đất còn lại của ông là 648m².

Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là ông M, bà T, bà N1 trình bày khi Nhà nước mức kênh 02/9 vào khoảng năm 1984 thì ông K quản lý sử dụng từ đó đến nay. Thể hiện như:

+ Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2019 bà T trình bày đã chuyển nhượng phần đất của bà T cho ông K.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019, ông M trình bày: “Vào khoảng năm 1982- 1983, cha mẹ ông có phân chia đất cho các anh, chị em

ông, trong đó có ông C được chia chiều ngang 27 mét, chiều dài từ lộ nhựa ra đến sau hậu, phần đất của ông C được phân chia giáp với đất của bà Sáu Thường. Sau khi được chia đất, ông C sử dụng đến khi Nhà nước mức kênh 2/9 chia đất của ông C thành 2 phần, phần phía sau hậu thì ông C sang nhượng lại cho ông, còn phần phía mặt tiền (đất đang tranh chấp) diện tích còn lại ít nên ông C không sử dụng mà do ông K quản lý và sử dụng từ khi Nhà nước mức kênh 2/9 cho đến nay, trong quá trình ông K sử dụng phần đất trên, ông C biết nhưng không có ý kiến hay tranh chấp gì”.

+ Tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019 và ngày 21/10/2019, bà T và bà N1 cũng xác định phần đất tranh chấp giữa ông C và ông K hiện nay, từ khi Nhà nước đào kênh 2/9 cho đến nay, do ông K quản lý và sử dụng.

Xét lời trình bày của ông C về quá trình sử dụng phần đất có tranh chấp về tiền bồi thường không đúng với lời trình bày của ông M, bà T và bà N1.

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì phần diện tích đất của ông C có chiều ngang mặt tiền (lộ 844) là 27,02 mét, chiều ngang sau hậu là 27,02 mét, chiều dài 1 cạnh là 32,32 mét, 1 cạnh là 28 mét là chưa đúng với đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của ông tại phiên tòa. Đồng thời theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định số 89/QĐ-UBND-HC ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất thì phần đất thuộc thửa 844, Ủy ban nhân dân huyện T chỉ thu hồi 1.043,1m², trong đó có chiều dài là 28,84 mét, không thu hồi hết diện tích đất của ông C nhưng ông C yêu cầu ông K phải trả lại toàn bộ số tiền thu hồi đất với diện tích đất 648m² là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông C không có cơ sở. Cho nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C về việc yêu cầu ông K trả 777.600.000.000đ.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên Ông C phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 74, 75, 166 Luật Đất đai năm 2003; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu trả lại diện tích đất bị thu hồi là 648m², với số tiền thu hồi đất là 777.600.000đ (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.143.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), ông C đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông